**Phụ lục 3**

***(Kèm theo Báo cáo số /BC-BCT ngày tháng năm về rà soát pháp luật và các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên có liên quan về phát triển công nghiệp)***

**Danh mục các quy định – cam kết đã rà soát**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Hiệp định** | **Chương/Điều khoản** |
| **I** | **Hiệp định về Trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM)** | Toàn Hiệp định  Các điều khoản quan trọng nhất:  Điều 1(Định nghĩa trợ cấp);  Điều 3 (trợ cấp bị cấm);  Điều 5 (Tác động tiêu cực);  Điều 6 (Thiệt hại nghiêm trọng);  Điều 8 (Xác định các trợ cấp không chịu ràng buộc) |
| **II** | **Hiệp định về các biện pháp đầu tư liên quan đến thương mại (TRIM)** | Toàn Hiệp định  Các điều khoản quan trọng nhất:  Điều 2;  Phụ lục Hiệp định;  Điều III.8. |
| **III** | **Hiệp định GATT 1947** | Toàn Hiệp định  Các điều khoản quan trọng nhất:  Điều III.4  Điều III.5.  Điều III.8(a)  Điều XVII  Thỏa thuận giải thích Điều XVII GATT 1947  XVIII  Điều XX  Điều XXI |
| **IV** | **Hiệp định GATS** | Toàn Hiệp định  Các điều khoản quan trọng nhất:  Điều III.1 |
| **V** | **Hiệp định TRIPS** | Toàn Hiệp định |
| **VI** | **Hiệp định về Mua sắm Chính phủ (GPA)** | Điều XVI.1 |
| **VII** | **Hiệp định TBT** | Toàn Hiệp định |
| **VIII** | **Hiệp định SPS** | Toàn Hiệp định |
| **IX** | **Hiệp định EVFTA** |  |
| 1 |  | Chương 2. Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường đối với hàng hóa  Phụ lục 2-A **- Cắt giảm hoặc xóa bỏ Thuế quan**  Tiểu phụ lục 2-A-2  Tiểu phụ lục 2-A-3  Tiểu phụ lục 2-A-4  Tiểu phụ lục 2-A-5  **Phụ lục 2B - Phương tiện cơ giới và Phụ tùng, Thiết bị xe cơ giới**  **Phụ lục 2C - Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế** |
| 2 | *Chương 3. Phòng vệ thương mại* |
| 3 | *Chương 5. Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại* |
| 4 | *Chương 6. Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật* |
| 5 | *Chương 7. Hàng rào phi thuế trong thương mại, đầu tư trong sản xuất năng lượng tái tạo* |
| 6 | Chương 8. Tự do hóa đầu tư, thương mại dịch vụ, thương mại điện tử  Phụ lục 8B. Ngoại lệ của Việt Nam về đối xử quốc gia |
| 7 | Chương 9. Mua sắm chính phủ  Phụ lục 9B. Phạm vi điều chỉnh của chương Mua sắm Chính phủ đối với Việt Nam |
| 8 | Chương 10. Chính sách cạnh tranh  Mục B. Trợ cấp |
|  | Chương 11. Doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, doanh nghiệp được cấp đặc quyền hoặc ưu đãi đặc biệt và doanh nghiệp độc quyền chỉ định  Phụ lục 11. [Doanh nghiệp thuộc sở hữu Nhà nước, Doanh nghiệp được cấp đặc quyền hoặc ưu đãi đặc biệt, và Doanh nghiệp độc quyền chỉ định](https://fta.moit.gov.vn/index.php?r=site%2Fcontent&id=63#Ph%E1%BB%A5%20l%E1%BB%A5c%2011). |
| 9 | Chương 12. Sở hữu trí tuệ |
| 10 | Chương 13. Thương mại và phát triển bền vững |
| **X** | **Hiệp định CPTPP** | Chương 2. Đối xử quốc gia và mở cửa thị trường hàng hóa  Phụ lục 2D. Việt Nam (Chú giải chung, Biểu cam kết thuế quan, Phụ lục A-Hạn ngạch thuế quan) |
| 1 |  | Chương 4. Dệt may  Phụ lục 3 và 4: Quy tắc xuất xứ và dệt may |
| 2 | Chương 6. Phòng vệ thương mại |
| 3 | Chương 7. Các biện pháp an toàn thực phẩm và kiểm dịch động thực vật (SPS) |
| 4 | Chương 8. Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại (TBT) |
| 5 | Chương 9. Đầu tư |
| 6 | Chương 15. Mua sắm chính phủ  Phụ lục 15A. Mua sắm chính phủ (Biểu Việt Nam) |
| 7 | Chương 17. Doanh nghiệp nhà nước và độc quyền chỉ định |
| 8 | Chương 18. Sở hữu trí tuệ |
| 9 | Chương 19. Lao động |
| 10 | Chương 20. Môi trường |
| 11 | Phụ lục I. Thương mại dịch vụ xuyên biên giới và đầu tư: Các biện pháp không tương thích (NCM) (Biểu Việt Nam) |
| 12 | Phụ lục II. Thương mại và dịch vụ xuyên biên giới và đầu tư: Các biện pháp không tương thích (NCM) (Biểu Việt Nam) |
| 13 | Phụ lục IV. Doanh nghiệp nhà nước và độc quyền chỉ định |